

Số: 40 /BC-NTB

Đại Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học;

Căn cứ Công văn số 283/PGDDĐT-TH ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục - Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 cấp Tiểu học;

Căn cứ Kế hoạch số 36/KH - NTB ngày 16 tháng 9 năm 2024 của trường TH Nguyễn Thị Bảy về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2024-2025 và xét tình hình thực tế của nhà trường.

Trường TH Nguyễn Thị Bảy thực hiện công tác công khai đầu năm học 2024-2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC:

- Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Thôn Lâm Yên, xã Đại Minh, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ thư điện tử: thntb.dailoc@quangnam.gov.vn

Địa chỉ trang (Website): <http://thnguyenthibay.pgddailoc.edu.vn/>

- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Đại Lộc

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.

4.1. Tầm nhìn

Trở thành trường có chất lượng giáo dục cao và bền vững; là nơi giáo viên và học sinh luôn có niềm vui, tự tin, năng động, sáng tạo; mạnh về trí lực, khỏe về thể chất và có khát vọng vươn tới thành công; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình.

4.2. Sứ mạng, mục tiêu

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh, hiện đại và hạnh phúc. Tạo điều kiện để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát huy những tiềm năng, những năng lực sở trường, tính năng động, sáng tạo và tư duy tốt nhất, đảm bảo khi hoàn thành chương trình Tiểu học các em phải là những người có đạo đức, có sức khỏe, yêu quê hương đất

nước, có lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để học tốt ở bậc học sau.

4.3. Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường.

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| * Tinh đoàn kết, hợp tác | * Lòng nhân ái, khoan dung |
| * Tinh thần trách nhiệm | * Tự tin, sáng tạo, đổi mới |
| * Tính trung thực | * Khát vọng vươn lên |

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

- Trường TH Nguyễn Thị Bảy ở xã Đại Minh được thành lập ngay sau ngày Đại Lộ được hoàn toàn giải phóng.

Năm học 1975-1976 Trường mang tên Trường phổ thông cấp I, II Đại Minh. Trường lớp đơn sơ chỉ có tranh, tre, vách đất, tường rào bằng gai.

Từ năm 1981 đến năm 1985, Trường được mang tên Trường PTCS Đại Minh.

Từ năm 1986-1992, Trường mang tên Trường phổ thông cấp I, II Đại Minh.

Từ năm 1993 đến năm 2005, Trường mang tên Trường cấp I Đại Minh, nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, chi bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2002, Trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Từ năm 2006 đến nay, Trường mang tên Trường Tiểu học Nguyễn Thị Bảy. Cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng được đầu tư xây dựng khang trang hơn. Trường có bể bơi, nhà đa năng, các dãy phòng học, phòng làm việc đều được tầng hóa, các phòng học đều có ti vi phục vụ dạy học. Có 05 hệ thống mạng kết nối để phục vụ dạy học và làm việc. Nhiều năm liền, trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc, công đoàn vững mạnh xuất sắc. Trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng 3 vào tháng 10 năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện (Hiệu trưởng): Trần Thị Cẩm Hà

Số điện thoại: 0372157872

Thư điện tử: hacam72@gmail.com;

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 21/8/2006 Quyết định của UBND huyện Đại Lộc về việc đổi tên trường tiểu học Đại Minh thành trường TH Nguyễn Thị Bảy

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 3899/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Đại Lộc, về việc củng cố, kiện toàn Hội đồng trường Trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy nhiệm kỳ 2022-2027;

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35			29	4	1	1	1	15	8	28	1		
I	Giáo viên	29			25	4				16	8	28	1		
	Trong đó số giáo viên chủ nhiệm:	19			17	2				11	7	19			
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					2	1	3			
3	Tin học	1			1					1		1			
4	Âm nhạc	1			1					1		1			
5	Mỹ thuật	1			1							1			
6	Thể dục	2			2					2		2			
II	Cán bộ quản lý	2			2					1	1				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1					
II I	Nhân viên	4			2		1	1							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Bảo vệ	1						1							

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ: Tốt đạt 100%

Giáo viên: 29 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: $28/29 = 96.67\%$; 01 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ $01/29 = 3.4\%$

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $31/31 = 100\%$ (trong đó 02 CBQL, 29 GV)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	19/19	Số m ² /học sinh

II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	19/19	1,6 m ²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9.157 m ²	15,9 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng	1566.24	2,22 m ²
1	Diện tích các phòng học (m ²)	972 m ²	1,68 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	56m ²	1.6 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	112m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56 m ²	1,75 m ²
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	56 m ²	1.69 m ²
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56 m ²	1.69 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	25 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	25 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12 bộ	
1.1	Khối lớp 1	03 bộ	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	03 bộ	01 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	03 bộ	01 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	03 bộ	01 bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	0	0 bộ/lớp
2	Tổng số TB dạy học tối thiểu thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	01 bộ	
2.2	Khối lớp 2	01 bộ	
2.3	Khối lớp 3	01 bộ	
2.4	Khối lớp 4	01 bộ	
2.5	Khối lớp 5	04 bộ	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	36	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	26	24 cái phòng học+ 1 cái thư viện 1 cái hiệu trưởng)
2	Cát xét	04	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác:- Máy in	06	

6	Bảng tương tác	01	
---	----------------	----	--

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	166 m ²
XI	Nhà ăn	24 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	120 m ²	60/60	1.9	1.9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	Không	Không	Không	Không	Không

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt (Sách giáo khoa lớp 5)

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt (Sách giáo khoa lớp 5)

TT	Tên sách	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên)			
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam	

4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang, Nghiêm Đình Vỳ, Nguyễn Thị Thu Thủy	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	Chân trời sáng tạo	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				X
Tiêu chí 1.2				X
Tiêu chí 1.3				X
Tiêu chí 1.4				X
Tiêu chí 1.5				X
Tiêu chí 1.6				X
Tiêu chí 1.7				X
Tiêu chí 1.8				X
Tiêu chí 1.9				X
Tiêu chí 1.10				X

Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				X
Tiêu chí 2.2				X
Tiêu chí 2.3				X
Tiêu chí 2.4				X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				X
Tiêu chí 3.2				X
Tiêu chí 3.3				X
Tiêu chí 3.4				X
Tiêu chí 3.5				X
Tiêu chí 3.6				X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				X
Tiêu chí 4.2				X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				X
Tiêu chí 5.2				X
Tiêu chí 5.3				X
Tiêu chí 5.4				X
Tiêu chí 5.5				X

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5	X		

Kết luận: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3

1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hàng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Năm học 2024-2025, thực hiện theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Đại Lộc, Trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy tiếp tục xây dựng kế hoạch chỉ đạo công tác giáo dục của nhà trường chi tiết, cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nhà trường, trong đó chú trọng đến việc cải tiến chất lượng giáo dục.

Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tập chung vào các điểm yếu, những tồn tại cần khắc phục trong bộ tiêu chí theo Thông tư 17. Ngay từ đầu năm học,

nhà trường đã kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, chỉ đạo Hội đồng tự đánh giá, các tổ chức đoàn thể, bộ phận chuyên môn rà soát những điểm mạnh, điểm yếu, chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện.

Phân công các tổ công tác, phụ trách rà soát, đánh giá các tiêu chí, các tiêu chuẩn theo đúng nội hàm của từng chỉ báo; lập phiếu đánh giá các tiêu chí, hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá của nhà trường, đồng thời thu thập các minh chứng theo việc mô tả các nội hàm của chỉ báo.

- Tiếp tục phát huy và duy trì tốt những ưu điểm, những điểm mạnh mà nhà trường đã đạt được trong năm học 2024-2025 và những năm học trước đây. Cũng như phát huy kết quả mà nhà trường đã đạt được trong công tác kiểm định chất lượng và đạt trường chuẩn quốc gia mà Sở GD&ĐT và UBND tỉnh công nhận tháng 10/2022.

- Tiếp tục rà soát xây dựng kế hoạch và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng, để khắc phục những điểm yếu của nhà trường còn tồn tại.

- Tiếp tục tăng cường công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, Phòng GD&ĐT để tạo điều kiện xây dựng và cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị giáo dục để góp phần đảm bảo theo đúng chuẩn quy định.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá cơ sở GDPT theo tinh thần Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, qua đó mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận thấy rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của bản thân, đồng thời chủ động trong công việc của mình được giao, góp phần hoàn thiện báo cáo, thu thập minh chứng, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá, đăng ký kiểm định với cấp trên.

Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Đại Lộc trong công tác đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục trong nhà trường. Đảm bảo cải tiến chất lượng thông qua khắc phục những điểm yếu, phát huy những điểm mạnh, đảm bảo đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 và đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo chuẩn các tiêu chí.

- Tiếp tục giao cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, các bộ phận có liên quan rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn còn những điểm yếu, qua đó chủ động đưa ra các giải pháp đề xuất với Hội đồng trường, với Hiệu trưởng để khắc phục và cải tiến chất lượng, hoàn thành theo đúng yêu cầu đặt ra.

- Chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Đại Lộc về việc tiếp tục quan tâm đầu tư, xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất, các trang thiết bị dạy và học đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác chuyên môn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đạt chuẩn về đào tạo theo quy định mới của Luật Giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn hiện hành bảo đảm công bằng, khách quan, minh bạch, chính xác và bảo đảm thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Bảo đảm huy động 100% trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đủ điều kiện theo quy định của Bộ GDĐT được tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2025-2026. Rà soát chính xác số trẻ 6 tuổi trên địa bàn xã đảm bảo đủ CSVC cho học sinh theo học.

Thực hiện nghiêm túc quy định về: Thời gian tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, độ tuổi và sĩ số học sinh trên một lớp.

Đảm bảo công khai về tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, thời gian tuyển sinh, phương thức tuyển sinh và trách nhiệm trong công tác tuyển sinh.

Phân công nhiệm vụ cụ thể, cá nhân chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT:

- Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2019), trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Tuyệt đối không nhận trẻ thiếu tuổi vào lớp 1.

- Là những trẻ đã qua lớp mầm non 5 tuổi thuộc trường mầm non Đại Minh, học sinh hộ khẩu nơi khác nhưng có đăng kí tạm trú tại xã Đại Minh gồm 4 thôn: Thôn Lâm Yên, thôn Gia Huệ, thôn Phú Phước và thôn Tây Gia.

- Học sinh các xã lân cận nếu có nhu cầu học tập tại trường.

- Trẻ em (học sinh) khuyết tật, có hoàn cảnh đặc biệt: Thực hiện tuyển sinh với cả trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

*** Chỉ tiêu tuyển sinh**

- Số lớp: 04 ; - Số học sinh (Dự kiến): 119 học sinh.

*** Phương thức, thời gian tuyển sinh**

- Thực hiện phương thức xét tuyển, huy động tối đa trẻ 6 tuổi trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn xã Đại Minh, các xã lân cận (nếu có nhu cầu) vào học lớp 1 năm học 2025-2026.

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 02/06/2025 đến hết ngày 25/07/2025.

Trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy phối hợp với trường Mầm non Đại Minh tổ chức tuyển sinh trẻ 6 tuổi trên địa bàn đang theo học tại trường Mầm non Đại Minh.

Đối với những trẻ ở nơi khác có nhu cầu tuyển sinh sẽ nộp hồ sơ trực tiếp tại trường theo giờ hành chính các ngày từ 01/7/2025 đến 10/7/2025.

*** Hình thức tuyển sinh**

Tuyển sinh theo 02 hình thức: Trực tiếp và trực tuyến

- Tuyển sinh trực tuyến:

Thời gian: Từ 05/7/2025 đến 09/7/2025;

Hướng dẫn cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của học sinh kê khai các thông tin phục vụ cho công tác tuyển sinh;

- Tuyển sinh trực tiếp

Thời gian: Từ 15/7/2025 đến 20/7/2025

Thực hiện với tất cả các đối tượng học sinh mà gia đình không thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến do các điều kiện khách quan đem lại. Phụ huynh học sinh liên hệ Hội đồng tuyển sinh nộp hồ sơ tại trường và Hội đồng tuyển sinh thực hiện việc tuyển sinh và công bố kết quả trực tiếp tại trường.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2024-2025

2.1. Công tác phát triển và PCGD

- Sĩ số đầu năm: Số lớp: 19; Số học sinh: 579; Cuối năm: Số lớp: 19; Số học sinh: 577

Đánh giá chung: Năm học 2024-2025 sĩ số học sinh được duy trì và ổn định, không có học sinh bỏ học;

- + Tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi đạt: 97.9%
- + Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: đạt 100%;
- + Học sinh học 9 buổi/ tuần: 100%;
- + Học sinh lên lớp đợt đầu: $575/577 = 99.7\%$
- + Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: $96/96$ em = 100%.
- * Phổ cập giáo dục đạt mức độ 3, Xếp loại: Tốt

2.2. Về chất lượng các mặt giáo dục:

2.2.1. Giáo dục năng lực và phẩm chất học sinh.

- * **Năng lực:** - Tốt 83,8%; Đạt: 16% ; Ccg: 0,2%
- * **Phẩm chất:** - Tốt: 93,7 %; Đạt: 6,3% ; Ccg: 0

2.2.2. Kết quả học tập: Hoàn thành chương trình lớp học:

- Hoàn thành xuất sắc: 47,4%
- Hoàn thành tốt: 18,7%;
- Hoàn thành: 33,6%
- Chưa hoàn thành: 0,3%
- Tỷ lệ lên lớp: 99.7%.

2.2.3. Chất lượng các cuộc thi và các hoạt động khác

- Giáo viên dạy giỏi: Cấp huyện: 03; Cấp trường: 12; GV TPT Đội giỏi: 0; GV bồi dưỡng đội tuyển đạt giải: Nhất hội khỏe Phù Đổng cấp huyện.

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: $588/590 = 99.7\%$;
- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học: $96/96$, Đạt 100 %;
- Học sinh được khen thưởng:
- + Học sinh xuất sắc và tiêu biểu: $381/577$ em
- + Cấp quốc gia: 2 em HS hoàn thành tốt; Cấp tỉnh: 05 em; Cấp huyện: 17 em

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ- NTB ngày 29/5/2025 của Hiệu trưởng Trường TH Nguyễn Thị Bảy)

DVT: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
I	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	inh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
1	Lệ phí			
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.382.928	5.382.928	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.382.928	5.382.928	
1	Chi quản lý hành chính			
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.382.928	5.382.928	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.202.645	5.202.645	

2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	180.283	180.283	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			

TT	Khoản thu	Số tháng	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn, gạo bán trú	9	526.324.900	526.324.900	0
2	Tiền phụ phí bán trú	9	176.810.000	176.810.000	0
	Cộng		703.134.900	703.134.900	0

2. Công khai công bố dự toán ngân sách và các khoản thu năm 2025

2.1. Công bố dự toán ngân sách nhà nước

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-NTB ngày 16/01/2025 của Hiệu trưởng Trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy)

Đvt: Ngàn đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.657.200
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.657.200
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.657.200
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.657.200
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

2.2. Dự kiến các khoản đóng góp phục vụ học sinh năm học 2025-2026

2.2.1. Các khoản thu theo quy định:

- Bảo hiểm y tế (bắt buộc): Bằng 4.5% mức lương cơ sở (2.340.000 đ). Học sinh, sinh viên đóng 70%, NS Nhà nước hỗ trợ 30%. (Thu vào tháng 9 (đối với học sinh mới

vào lớp 1: 3 tháng cuối năm 2024) và thu đầu tháng 12 từ lớp 1 đến lớp 5 của 12 tháng năm 2025.

Số tiền 1 tháng: 73.710 đ/1 tháng; số tiền 1 năm: 884.520đ/1 năm/1 học sinh

Trừ con hộ nghèo, cận nghèo, khuyết tật, con công an, bộ đội, con gia đình chế độ chính sách đã có bảo hiểm).

2.2.2. Các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện:

- Tiền ăn, gạo (Học sinh ở lại bán trú): 15.000đ/ngày; gạo 0.18 lạng/ngày. Thu theo số tháng thực học.

- Tiền phụ phí (Gas, điện, nước, tiền công nhân viên cấp dưỡng, tiền quản lý bán trú,...): 100.000đồng/tháng. Thu theo số tháng thực học

- Tiền mua sắm bán trú (Bổ sung công cụ nhà bếp, chén, muỗng, đũa, ca, xoong, chảo, ...): Học sinh khối 1: 50.000đồng/HS/năm; Học sinh khối 2-5: 30.000đồng/HS/năm; Khi thu có kế hoạch mua sắm cụ thể.

Lưu ý: - Tất cả các nội dung nêu trên đều trên tinh thần tự nguyện của học sinh và phụ huynh. Học sinh, phụ huynh đăng ký phải có đơn xin tham gia.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Việc triển khai đổi mới chương trình GDPT 2018

1.1. Công tác tham mưu, chuẩn bị, xây dựng kế hoạch

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Quảng Nam, Phòng GD&ĐT Đại Lộc và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai để CBGV, NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

Nhà trường tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tuyên truyền trong nhân dân về việc đổi mới chương trình GDPT 2018. Chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện theo lộ trình, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể triển khai đến cán bộ, giáo viên và các bậc phụ huynh nhà trường. Tham mưu với UBND xã xây dựng bổ sung các công trình sân trường, lớp học, hệ thống đường giao thông khu vực đỗ xe đón con ngoài cổng trường, tạo cảnh quan sư phạm và đặc biệt đảm bảo đủ các phòng học, phòng chức năng theo quy định.

1.2. Triển khai thực hiện

Nhà trường thường xuyên tổ chức cho cán bộ, giáo viên nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông tổng thể bằng nhiều hình thức (nghiên cứu tài liệu, học tập trực tuyến, thảo luận trong các tổ khối....).

Thường xuyên theo sát việc triển khai việc dạy học chương trình sách giáo khoa với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp. Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện cho chương trình SGK lớp 5

Kết quả việc thực hiện chương trình GDPT đặc biệt là chương trình SGK mới lớp 1, 2, 3, 4 rất thành công và được phòng GD&ĐT đánh giá cao.

Nhà trường chủ động tham mưu với UBND xã, Phòng GD&ĐT trong việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa lớp 5 năm học 2024-2025.

2. Các điều kiện giáo dục:

Nhận thức rõ về hiệu quả của công tác bồi dưỡng, nhà trường luôn coi công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên vì giáo viên là người trực tiếp làm lên chất lượng giáo dục trong nhà trường. Do vậy ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt là nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Thực hiện dạy đúng và đủ chương trình các môn học theo Kế hoạch Giáo dục và quy định, đồng thời quan tâm giáo dục toàn diện; thực hiện các chương trình tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng sống cho học sinh vào các môn học. . . thông qua đó làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh.

Chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn trú trọng, quan tâm đổi mới PPDH, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học, sử dụng TBDH hiện có nhiều tiết hội giảng, nhiều đồng chí giáo viên đã sử dụng CNTT vào bài dạy, đặc biệt trong năm học nhà trường đã xây dựng và thực hiện thành công mô hình điểm về quản lý KHBD trên hệ thống, chất lượng và hiệu quả giờ dạy được nâng lên rõ rệt. Kết quả cụ thể:

+ Kết quả bồi dưỡng giáo viên CTGDPT 2018: 100% cán bộ giáo viên đã tham gia bồi dưỡng CTGDPT 2018 đầy đủ, đạt kết quả cao theo yêu cầu.

+ Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GVTH: Tốt: 29/30 = 96.6%; Khá: 01/29 = 3.4%

+ Giáo viên dạy giỏi: Cấp tỉnh: 0 ; Cấp huyện : 03; Cấp trường: 12.

* Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:

Số phòng học: 19 ; Tỷ lệ phòng học /lớp: 01, So với nhu cầu: Đủ

Số phòng chức năng đã có: 05 ; So với nhu cầu còn thiếu: 00

* Công tác bảo quản, sử dụng phòng học, phòng chức năng, thiết bị đồ dùng:

Trong năm học nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bảo quản, sử dụng các phòng học, phòng chức năng, thiết bị đồ dùng tốt, phát huy được tác dụng.

* Công tác tu bổ, xây dựng CSVC: Trong năm học, nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan sư phạm nhà trường như tu bổ hệ thống bồn hoa cây cảnh, tu bổ công trình vệ sinh học sinh khang trang sạch đẹp.

3. Công tác quản lý:

- Công tác tham mưu: Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tăng cường tu bổ và xây dựng bổ sung hoàn thiện CSVC đảm bảo phục vụ đầy đủ, tốt cho công tác giáo dục nhà trường và tạo môi trường luôn xanh-sạch-đẹp, là môi trường giáo dục tốt cho học sinh.

- Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch năm học: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Quảng Nam, Phòng GD&ĐT Đại Lộc, các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của ngành nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho năm học, học kỳ và từng tuần công khai đề CBGV,

NV được biết, thực hiện trong công tác được nhà trường giao. Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, đảm bảo thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Công tác kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên bằng nhiều hình thức và có kế hoạch ngay từ đầu năm học. Qua kiểm tra, khảo sát, đánh giá, xếp loại công bằng dân chủ và được công khai trước tập thể sư phạm nhà trường... Kiểm tra đúng nguyên tắc, đúng hướng dẫn, tham gia đóng góp ý kiến, chỉ ra những điểm còn tồn tại giúp giáo viên chưa thực hiện tốt có hướng khắc phục. Trong năm học, nhà trường đã kiểm tra được 4 chuyên đề như: Thực hiện quy chế chuyên môn; Chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học; Chuyên đề bảo quản và sử dụng tài chính, cơ sở vật chất ; Chuyên đề dạy thêm, học thêm... và các nội dung khác.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản: Công tác tài chính được công khai, dân chủ, được bàn bạc trước hội đồng nhà trường. Chi tiêu tiết kiệm, chi đúng mục đích nhằm kịp thời động viên giáo viên và học sinh trong các hoạt động và các phong trào của nhà trường.

4. Công tác Đảng và các đoàn thể:

Thường xuyên triển khai và cập nhật đến cán bộ, đảng viên, cán bộ nhân viên nhà trường các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT; thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản chỉ đạo, quy định của ngành.

Xây dựng được mối đoàn kết, tập trung dân chủ trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của Chi bộ - BGH - Công Đoàn - Đoàn TN - Các tổ chức đoàn thể khác; hàng tuần đều họp giao ban để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của trường đạt hiệu quả.

Công tác xã hội hóa giáo dục: Với mục tiêu chung tay vì sự nghiệp giáo dục, nhà trường luôn thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, thường xuyên huy động các nguồn lực từ các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhà hảo tâm để góp phần xây dựng nhà trường đáp ứng sự kỳ vọng và phát triển.

5. Các công tác khác:

Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tạo cho học sinh nhiều sân chơi bổ ích . Nhà trường đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường và triển khai có hiệu quả.

Thường xuyên nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh về tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, là nơi để học sinh rèn luyện, học tập, phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ, hình thành thế hệ trẻ.

- Triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong quản lý dạy và học: Trong năm học, phát huy những mặt mạnh và ưu thế của những năm học trước, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy và học, là mô hình điểm của bậc tiểu học.

- Công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia: Nhà trường tiếp tục tham mưu lãnh đạo các cấp trong công tác xây dựng và tu bổ cơ sở vật chất như làm nhà xe giáo viên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh, bổ sung bàn ghế mới để duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng cấp độ 3.

6. Công tác thi đua , khen thưởng:

Công tác thi đua được nhà trường thường xuyên quan tâm triển khai, cụ thể trong năm học nhà trường đã phát động các phong trào thi đua và được cán bộ giáo viên hưởng

ứng sôi nổi. Đặc biệt là hưởng ứng phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”. Trong công tác thi đua nhà trường thường xuyên quan tâm hoàn thành tốt các tiêu chí phân đấu đạt Tập thể lao động xuất sắc.

Trên đây là Báo cáo thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2024-2025 của trường tiểu học Nguyễn Thị Bảy, nhà trường công khai đến lãnh đạo, cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (b/c);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Cẩm Hà

